

TÒA ÁN NHÂN DÂN H.QUẾ VÕ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BẮC NINH **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 149/2017/HSST
Ngày 21/7/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ VÕ, TỈNH BẮC NINH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Sỹ C.

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang S, bà Nguyễn Thị Quỳnh Ch.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Th, Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Võ tham gia phiên tòa: Ông Phùng Đắc D, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 145/2017/TLST- HS ngày 26 tháng 6 năm 2017 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2016/HSST-QĐ ngày 10/7/2017 đối với các bị cáo.

1. Bị cáo Lữ Thị M, sinh năm 1962.

HKTT: Tổ 14, phường Lộc Hạ, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

Chỗ ở hiện tại: Khu 2, phường Thị Cầu, TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 07/10.

Bồ đê: Lữ Kỳ Ng (đã chết). Mẹ đê: Nguyễn Thị Th, sinh năm 1944. Gia đình có 06 chị em, bị cáo là thứ nhất. Chồng: Đinh Trọng B, sinh năm 1962. Con: Có 03 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2000.

Tiền án: Ngày 21/7/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 07 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/10/2016.

Tiền sự, nhân thân: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/4/2017 đến ngày 01/6/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lãnh.

2. Bị cáo Đỗ Thị T, sinh năm 1969.

HKTT: Khu 2, phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Không.

Bồ đê: Đỗ Trọng Th, sinh năm 1943. Mẹ đê: Nguyễn Thị G (tên gọi khác T), sinh năm 1943. Gia đình có 04 anh em, bị cáo là hai. Chồng: Vũ Tuấn Tr, sinh năm 1970. Con: Có 06 con; con lớn sinh năm 1986, con nhỏ sinh năm 2001.

Tiền án: Ngày 21/7/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 07 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/10/2016.

Tiền sự, nhân thân: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/4/2017 đến ngày 24/5/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lãnh.

Người bị hại:

1. Bà Đàm Thị Th, sinh năm 1958. (đề nghị xử vắng mặt)

Quê quán: Thôn Châu Cầu, xã Châu Phong, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

2. Chị Nguyễn Thị H, sinh 1991. (đề nghị xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Trúc Ổ, xã Mộ Đạo, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

NHẬN THẤY

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh truy tố về hành vi phạm tội tóm tắt như sau:

Bị cáo Đỗ Thị T và Lữ Thị M ngày 21/7/2016 đã bị Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn kết án và xử phạt cùng mức 07 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Các bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 6/10/2016 nhưng chưa được xóa án tích theo quy định của pháp luật.

Khoảng 09 giờ ngày 18/4/2017, tại khu vực làm thủ tục khám chữa bệnh của Bệnh viện Đa khoa huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh các bị cáo T và M lại tiếp tục bị bắt quả tang về hành vi lợi dụng việc mọi người đến khám bệnh đông người, chen lấn nhau, mất cảnh giác để trộm cắp tài sản. Cụ thể, Đỗ Thị T và Lữ Thị M đã có hành vi lén lút trộm cắp của bà Đàm Thị Th, sinh năm 1958 ở thôn Châu Cầu, xã Châu Phong, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh số tiền 290.000 đồng và của trộm cắp của chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1991 ở thôn Trúc Ổ, xã Mộ Đạo, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh 01 ví giả da màu xanh trị giá 186.600 đồng cùng số tiền 1.300.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà M và T đã chiếm đoạt là 1.776.600 đồng.

Với nội dung trên bản cáo trạng số 105/CTr-VKS ngày 26/6/2016 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh đã truy tố Đỗ Thị T và Lữ Thị M về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo khai nhận: Khoảng 07 giờ ngày 18/4/2017 Lữ Thị M rủ Đỗ Thị T xuống huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh chơi thì T đồng ý. Sau đó, T và M đi xe buýt từ thành phố Bắc Ninh đến điểm đỗ xe buýt thuộc thôn Đình, thị trấn Phố Mới, huyện Quế Võ thì xuống xe. Sau khi xuống xe M rủ T vào Bệnh viện đa khoa huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh để trộm cắp tài sản của những người đến khám bệnh, T đồng ý, sau đó cả hai đi bộ vào Bệnh viện đa khoa huyện Quế Võ. Khi vào trong Bệnh viện, T và M đi đến khu vực làm thủ tục khám bệnh ban đầu, mục đích là lợi dụng mọi người đến làm thủ tục khám bệnh đông người, chen lấn nhau, mất cảnh

giác, T và M sẽ thực hiện hành vi móc túi xách, túi quần, túi áo của những người đến khám bệnh để lấy tài sản.

Khoảng 09 giờ cùng ngày, T và M phát hiện bà Đàm Thị Th đang làm thủ tục thanh toán tiền viện phí, tiền ở trong túi quần phía trước bên phải của bà Th bị thò ra ngoài, bên cạnh lại đông người. Thấy vậy, T và M tiến lại gần chỗ bà Th đứng. Từ phía sau, M đứng che người cho T, còn T dùng tay phải rút số tiền thò ra của bà Th rồi cả hai nhanh chóng quay lại hàng ghế ngồi chờ làm thủ tục khám bệnh và đếm được số tiền 290.000 đồng, số tiền này T cất giữ trên người T.

Khoảng 10 phút sau, T và M lại phát hiện chị Nguyễn Thị H đang làm thủ tục chuyển viện cho con chị H, trên người chị H có đeo 01 túi xách màu đen không khóa, bên trong có 01 ví giả da màu xanh, bên cạnh chị H có đông người đang làm thủ tục khám bệnh. Thấy vậy, T và M tiến lại gần đứng ở phía sau chị H, M che người cho T, còn T dùng tay phải rút chiếc ví giả da màu xanh của chị H rồi nhanh chóng đưa cho M cất giấu để tránh bị phát hiện. Sau khi lấy được tài sản của chị H, T và M nhanh chóng đi ra cửa khu vực làm thủ tục khám bệnh để đi về thì bị Công an huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh phối hợp với Công an thị trấn Phố Mới, huyện Quế Võ bắt quả tang và thu giữ vật chứng.

Tại phiên tranh luận, vị Kiểm sát viên duy trì quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo giữ quan điểm truy tố bị cáo T và bị cáo M về tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo T, bị cáo M phạm tội “Trộm cắp tài sản”, đề nghị Hội đồng xét xử; Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự; Xử phạt Đỗ Thị T từ 08 đến 10 tháng tù, xử phạt Lữ Thị M từ 10 đến 12 tháng tù nhưng được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam.

Về phân trách nhiệm dân sự: Số tài sản trộm cắp cơ quan điều tra đã trả lại người bị hại, người bị hại không có yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

Các bị cáo nhận tội và không tham gia tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo và lời khai của những người bị hại có trong hồ sơ vụ án.

XÉT THẤY

Lời khai của bị cáo Đỗ Thị T và Lữ Thị M tại phiên tòa hôm nay phù hợp với biên bản bắt giữ người phạm tội quả tang, phù hợp với tài liệu có trong hồ sơ, phù hợp với lời khai của những người bị hại được thể hiện trong hồ sơ vụ

án. Có căn cứ để xác định; Khoảng 9 giờ ngày 18/4/2017, lợi dụng những người đi khám chữa bệnh mất cảnh giác Đỗ Thị T và Lữ Thị M đã thực hiện việc chiếm đoạt tài sản của người khác bằng hành vi lết lút móc túi với số tài sản chiếm đoạt được có giá trị là 1.776.600 đồng. Tuy số tiền bị chiếm đoạt chưa đủ 2.000.000 đồng nhưng bị cáo T và bị cáo M ngày 21/7/2016 đã bị Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn kết án và xử phạt cùng với mức 07 tháng tù cũng về tội “Trộm cắp tài sản”. Các bị cáo chưa được xóa án tích nên mặc dù giá trị tài sản trộm cắp được lần này chưa đủ 2.000.000 đồng, nhưng hành vi của các bị cáo cũng đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Võ truy tố các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an, an ninh trên địa bàn. Do vậy cần phải có hình phạt tương xứng với tính chất mức độ hành vi của các bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy: Về tình tiết tăng nặng: Tình tiết các bị cáo đã bị kết án, chưa được xóa án đã là tình tiết định tội đối với các bị cáo nên các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào khác. Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS. Tại phiên tòa phía người bị hại tuy vắng mặt nhưng cũng đã có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, nên các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Các bị cáo đã bị Tòa án kết án về hành vi trộm cắp tài sản nhưng vẫn không lấy đó làm bài học rút kinh nghiệm cho bản thân mà lại tiếp tục phạm tội nên thấy rằng cần có hình phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian thì mới có đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo.

Xem xét đến vai trò của từng bị cáo thì thấy: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo cũng không có sự bàn bạc, chuẩn bị phân công nhau từ trước, khi thực hiện hành vi trộm cắp thì cùng nhau thực hiện, người trực tiếp lấy tài sản, người che chắn, Hội đồng xét xử nhận định về hành vi các bị cáo có vai trò như nhau. Tuy nhiên bị cáo M là người khởi xướng, chủ động rủ rê bị cáo T nên bị cáo M có vai trò tích cực hơn và phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn so với bị cáo T.

Về trách nhiệm dân sự: Số tài sản các bị cáo chiếm đoạt đã được trả lại cho người bị hại và người bị hại không có yêu cầu bồi thường gì nên không xem xét giải quyết.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều đã lớn tuổi, điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Lữ Thị M, bị cáo Đỗ Thị T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Lữ Thị M 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đề thi hành án nhưng được trừ đi số ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/4/2017 đến ngày 01/6/2017.

- Xử phạt bị cáo Đỗ Thị T 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đề thi hành án nhưng được trừ đi số ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/4/2017 đến ngày 24/5/2017.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo M, bị cáo T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo M, bị cáo T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Bắc Ninh.
- VKSND huyện Quế Võ.
- Công an huyện Quế Võ.
- Chi cục THA dân sự huyện Quế Võ.
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa.